

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
ĐOÀN TRƯỜNG THPT TAM PHƯỚC



BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI



Họ và tên : Nguyễn Thị Thanh An

Lớp : 11A6

Trường : THPT Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng Nai - Một vùng đất mênh mông, trù phú, giàu tiềm năng kinh tế, thiên nhiên tươi đẹp, trữ tình. Nơi mà hơn 300 trước, Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lý, xây dựng và ổn định bộ máy quản lý hành chính, chính thức đưa xứ Đồng Nai vào bản đồ nước Việt. Trong tiến trình lịch sử, trên vùng đất này, ông cha ta đã lao động, đấu tranh với thiên nhiên, vượt qua biết bao gian khổ, hy sinh để biến rừng hoang thành đồng ruộng phì nhiêu, xóm làng trù phú. Khi thực dân, đế quốc xâm lược, quân dân Đồng Nai cũng đã hăng hái, dốc hết nhân tài, vật lực lập nên nhiều chiến công vang dội, hiến hách góp phần vào cuộc kháng chiến giành thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Sau ngày đất nước thống nhất, cuộc chiến tranh đã để lại những hậu quả khá nặng nề cho tỉnh Đồng Nai, nhưng với tinh thần đoàn kết, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, phát huy mọi ưu thế và tiềm năng của vùng đất mà thiên nhiên ban tặng, nhân dân Đồng Nai đã xây dựng và phát triển địa phương ngày càng giành được những thành tựu trên các lĩnh vực.

Với chiều dài và bề dày lịch sử hơn 300, Đồng Nai là vùng đất được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu. Đặc biệt là đối với nhân dân địa phương, việc hiểu biết về mảnh đất mình đang sống, tự hào về truyền thống dũng cảm, thông minh và tâm huyết của ông cha ta là hết sức cần thiết. Qua Cuộc thi Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2016 – là một người dân Đồng Nai – tôi muốn thể hiện tình yêu của mình với con người, mảnh đất mà tôi đang sống, mảnh đất đang dần trở thành một phần máu thịt trong tôi.

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định Đồng Nai thì về

Ai li hò lơ ! Ai li hò lơ !

Đường về xứ bạn không xa

Qua vùng Đất Đỏ rồi ra Biên Hoà

Ai li hò lơ ! Ai li hò lơ !

Câu 1: Hãy nêu tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.

Tên đường phố không đơn thuần để thuận tiện trong công tác quản lý đô thị hoặc trong cách gọi tên và nhận biết địa chỉ giao dịch mà còn tích hợp nhiều giá trị văn hóa lịch sử truyền thống tiêu biểu của một vùng đất hay một dân tộc. Ở nước ta, việc đặt tên đường phố theo tên các danh nhân có công lớn đối với quê hương, đất nước hoặc những sự kiện lịch sử quan trọng trong tiến trình dựng nước và giữ nước mang ý nghĩa thiết thực trong việc giáo dục truyền thống, tình yêu và lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước quê hương tôi cũng có nhiều con đường mang tên các danh nhân, những anh hùng có công với công cuộc dựng nước và giữ nước, những anh hùng của dân tộc. Hôm nay, tôi rất tự hào được kể cho các bạn nghe về một con đường nơi tôi đang sống. Tôi hiện đang sống tại Ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa và con đường mà tôi muốn giới thiệu với các bạn đó chính là con đường mang tên một danh nhân lịch sử của dân tộc Việt Nam vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII đã có những đóng góp đáng trân trọng cho lịch sử của đất nước – Đường **NGUYỄN HOÀNG**. Tìm hiểu về tên đường cũng chính là thể hiện tình cảm với quê hương



mà chúng ta đang sống.

Tượng chúa Tiên Nguyễn Hoàng ở Bảo tàng Quảng Trị

Đáng minh quân sáng lập Nhà Nguyễn Nguyễn Hoàng quê ở làng Gia Miêu Ngoại Trang, huyện Tống Giang, lộ Thanh Hoa, về sau thuộc tổng

Thượng Bạ, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa; sau cách mạng Tháng 8.1945 là xã Lam Sơn sau đổi thành xã Long Khê; từ 1954 đến nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ông là con trai thứ hai của Chiêu Huân Phụ Tiết Tĩnh Công Nguyễn Kim tức Nguyễn Cam (1468 - 1545) dưới thời Nhà Lê và Bà Chính thất Nguyễn Thị Mai, con gái của Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Thư Vệ Sự Nguyễn Minh Biện dưới thời Nhà Lê, quê ở Phạm Xá, tỉnh Hải Dương. Ông sinh ngày 10 tháng 8 năm Ất Dậu tức ngày 28 tháng 8 năm 1525 tại lộ Thanh Hoa khi thân sinh ông giữ chức Tư Vệ Điện Tiền Tướng Quân trấn nhậm lộ này.

Lịch sử dân tộc Việt Nam thường có những bước ngoặt tạo nên những trang sử mới 450 năm trước, câu nói đầy ẩn dụ của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491- 1585) nói với chúa Nguyễn Hoàng (1542- 1613) sau khi người anh ruột của chúa là Nguyễn Uông đã bị anh rể Trịnh Kiểm giết chết: "Hoành Sơn nhất đại, vạn đại dung thân".

Câu nói như là một dẫn dắt, liên quan đến cả vận mệnh dân tộc. Sự tranh giành quyền lực của họ Trịnh đã tạo nên một biến động lớn để đưa chúa Nguyễn Hoàng vào đất Thuận Hóa (1558), đến nơi "ô châu ác địa", chúa đã thực sự tự nguyện đi đây. "Ở nơi ấy, Nguyễn Hoàng không thể tranh chấp quyền hành với mình"; nghĩ như thế nên Trịnh Kiểm đã đồng ý để vua Lê cử ngài đi ngay. Và cũng nhờ thế, từ thời điểm đó, lịch sử Việt Nam đã mở ra một trang sử mới cho sự phát triển Tổ quốc: đất nước đã được mở rộng về tận phương Nam!

Được lệnh vào Nam năm Mậu Ngọ (1558), bất chấp cả thời tiết mùa đông giá rét, ngài giong buồm đi ngay. Hàng ngàn đồng hương và nghĩa dũng ở Tống Sơn Thanh Hóa theo ngài rất đông. Khi đoàn thuyền đi qua Thanh Nghệ Tĩnh, nhiều người hưởng ứng đem cả vợ con theo. Các danh thần cùng đi có Nguyễn Ứ Dĩ, Tống Phước Tri, Mạc Cảnh Huống...

Chúa Nguyễn Hoàng thực sự là người có tài đức, chỉ với tư cách là người trấn thủ, nhưng ngài còn là một vị tướng mưu lược, đồng thời cũng là một vị lãnh đạo khôn ngoan, lại có lòng nhân đức, thu phục hào kiệt, vỗ về

dân chúng và chăm lo phát triển kinh tế trong vùng mình trấn nhậm, nên dân chúng Thuận Hóa rất cảm mến, họ đã gọi ngài là Chúa Tiên, mặc dù đương thời ngài chỉ có chức Đoan Quốc công. Ngài đã nhẫn nhịn để chờ thời cơ, không manh động với địch thủ đã giết người thân của mình, lập chí lớn, gây dựng cơ nghiệp lâu dài để lại cho con cháu mai sau.

Lịch sử đã có lần coi ngài như một Nỗ Nhĩ Cáp Xích, người sáng lập ra nhà Hậu Kim, tiền thân của nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc sống cùng thời với ngài.

Cũng nhờ tài năng đặc biệt đó, năm 1569 khi ra châu vua Lê, ngài được giao trấn thủ luôn đất Quảng Nam. Ảnh hưởng chính trị của ngài lan rộng đến tận Đồng Xuân, Tuy Hòa. Năm Quý Tỵ (1593), ngài đem quân ra Đông Đô yết kiến vua Lê. Vua an ủi rằng: "Ông trấn thủ hai xứ, dân nhờ được yên, công ấy rất lớn" (ĐNTL, trang 33).

Lần ra Bắc này, ngài đã giúp Trịnh Tùng đánh dẹp dư đảng họ Mạc. Trong suốt 8 năm, vì lập được nhiều chiến công nên ngài lại bị Trịnh Tùng lo ngại, nảy ý hãm hại, nên năm Canh Tý (1600) một lần nữa, ngài đã giồng buồm chạy thẳng ra khơi, để lại con trai thứ năm là Hải và cháu là Hắc ở lại làm con tin, còn ngài một mình trốn vào Thuận Hóa tìm đường sống. Từ đó, ngài vượt đèo Hải Vân vào Quảng Nam, xây Trấn Dinh ở Cần Húc (Duy Xuyên), cử con trai thứ sáu vào trấn nhậm Quảng Nam là nơi đất tốt, dân đông, sản vật giàu có.

Thế lực của ngài ở phía Nam được xác lập khi Khám lý phủ Hoài Nhơn (Bình Định) Trần Đức Hoa (thuộc một gia đình có thế lực lớn nhiều đời, ông nội, cha, và bản thân vốn là bề tôi của nhà Lê) đến yết kiến. Trong Phủ biên tạp lục, Lê Quý Đôn (1726- 1784) - nhà bác học thời Lê mạt, đã viết về xứ Thuận Quảng dưới sự cai quản của ngài (trong năm 1572) như sau:

"Đoan Quận công có uy lược, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn 10 năm, chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, răn giữ bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quan dân hai xứ thân yên tín phục, cảm nhân mến đức, dòi dôi phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền

buôn ngoại quốc đều đến mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp. Hàng năm nộp thuế mà để giúp việc quân, việc nước, triều đình cũng được nhờ..." (Phủ biên tạp lục, NXB Khoa Học, 1964, trang 42).

Năm Giáp Thìn (1604), ngài chia đặt lại các đơn vị hành chính thuộc xứ Thuận Hóa, đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình (ngày nay là nửa phía bắc tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình); lấy huyện Điện Bàn phủ Triệu Phong (phần còn lại ngày nay là nửa phía nam tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) đổi làm phủ Điện Bàn, Quảng Nam, đổi phủ Tư Ngãi làm phủ Quảng Ngãi; đổi phủ Thăng Hoa làm phủ Thăng Bình, trong phủ này, huyện Lê Giang đổi làm huyện Lễ Dương, Hy Giang làm huyện Duy Xuyên; phủ Hoài Nhơn như cũ.

Thuận Quảng vốn là đất cũ của Chiêm Thành, vùng đất này chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Chăm-pa, ngài đã lấy giáo lý Phật giáo để thuần hóa, thuần tính nhân dân dưới quyền. Ngài đã cho sửa sang và xây dựng nhiều ngôi chùa: năm 1602 cho sửa chùa Thuận Hóa ở xã Triêm Ân (huyện Phú Vang); dựng chùa Long Hưng (phía đông Trấn Định (huyện Duy Xuyên). Năm 1607 dựng chùa Bảo Châu ở Trà Kiệu. Năm 1609 dựng chùa Kính Thiên ở Quảng Bình.

Nhưng công việc có giá trị nhất là xây dựng chùa Thiên Mục (1601) tại Thuận Hóa. Ngôi chùa lịch sử đã có mối quan hệ rất mật thiết với quá trình phát triển đất Thuận Hóa và triều Nguyễn của nước ta. Sách Đại Nam thực lục chép: "Năm Tân Sửu 1601, bắt đầu dựng chùa Thiên Mục. Bấy giờ chúa đạo xem hình thể núi sông, thấy trên cánh đồng bằng ở xã Hà Khê (thuộc huyện Hương Trà) giữa đồng bằng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn, phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân thể hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói rằng gò này rất thiêng. Tục truyền rằng, xưa có người đêm thấy bà già áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói rằng: "sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng, cho bền long mạch"; nói xong bà già biến mất. Bấy giờ nhân đấy mới

gọi là núi Thiên Mục. Chúa cho là núi ấy có linh khí, mới dựng chùa gọi là chùa Thiên Mục...."



Chúa Nguyễn Hoàng trên đường mở đất phương Nam - tranh minh họa

Ngoài việc chăm lo cho đời sống nhân dân trong xứ, chúa Nguyễn Hoàng đã tổ chức được một đội quân hùng mạnh, đủ sức bảo vệ vùng đất mới, nhất là đội thủy binh, như vào năm Kỷ Mùi (1559), khi mới "định cư" chưa tròn 1 năm, tàu Tây Ban Nha đã đến gây rối vùng biển nước ta, chúng đã bị lực lượng phòng thủ vùng biển của ta cảnh cáo. Theo tài liệu "Thủy quân Việt Nam ngày xưa" của Lê Tiến Công (đăng trên website Viethoc) ghi lại: "... Mờ sáng ngày 3/9/1559 quân Tây Ban Nha thấy cả một rừng lưới giảo tua tủa quanh các núi dọc nơi đậu thuyền, đồng thời có nhiều chiếc thuyền mang chất cháy đi hàng ba nhằm thẳng tàu Tây Ban Nha tiến tới; cùng lúc đó, pháo từ các đồn lũy trên bờ phát hỏa. Cảm thấy bị phục kích và tấn công, hạm thuyền Tây Ban Nha vội bỏ chạy và nhờ trận gió Tây, quân Tây Ban Nha mới thoát nạn ...".

Vào năm Ất Dậu (1585), thuyền Tây phương lại đến quấy nhiễu, Sách Đại Nam Thực Lục chép: "Năm Ất Dậu (1585), bấy giờ có giặc nước Tây dương hiệu là Hiễn Quý đi 5 chiếc thuyền lớn đến đậu ở Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu lĩnh hơn 19 chiếc thuyền, tiến thẳng

đến cửa biển, Hiền Quý sợ chạy. Chúa cả mừng nói rằng: "Con ta thực là anh kiệt" và thưởng cho rất hậu. Từ đó, giặc biển im hơi...".

Không rõ vào năm nào, hai gia tướng người Việt gốc Chăm của Tĩnh Công Nguyễn Kim là Vũ Thị An và Vũ Thị Trung đã giúp Chúa Tiên Nguyễn Hoàng chiếm hữu *Bãi Cát Vàng* tức Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa khi còn là một vùng đất vô chủ mà không một nước nào phản đối hay bảo lưu. Như vậy, các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã thuộc lãnh thổ và chủ quyền của Đại Việt - Việt Nam từ cách đây 400 năm dưới thời Chúa Nguyễn Hoàng vào thế kỷ XVI.

Về vấn đề này trong tư liệu "*Quần đảo Hoàng Sa và đội ghe của các Chúa Nguyễn*" đã cho biết: "*Theo một số nhà nghiên cứu, năm 1558 Chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, Vũ Thị An, Vũ Thị Trung và con cháu gốc người Chăm đã giúp ông chiếm lĩnh Hoàng Sa*" (tr.19). Như vậy, công lao cực kỳ to lớn về việc chiếm hữu đầu tiên Bãi Cát Vàng thuộc về Chúa Tiên Nguyễn Hoàng.

Năm Tân Hợi (1611), quân Chiêm Thành vượt đèo Cù Mông xâm phạm biên giới, ngài sai người đem quân đánh đuổi và lấy đất đặt thêm phủ Phú Yên, mở rộng xứ Quảng Nam đến đèo Cả.

Một trong những lĩnh vực được chúa quan tâm đó là thương mại, chỉ trong vòng mấy thập niên, ngài đã biến đổi Đàng Trong trở nên một xứ giàu có và đủ mạnh để có thể duy trì được nền độc lập của mình đối với phía Bắc và mở rộng về phía Nam. Ngoại thương là một yếu tố quyết định cho sự phồn vinh đó. Trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, ở Đàng Trong việc buôn bán phần lớn nằm trong tay người dân, phủ chúa ít khi can thiệp. Có thể nói rằng, vùng Thuận Hóa sau khi được chúa Nguyễn Hoàng an định, đã trở thành vùng đất sống cho hàng ngàn người dân trải dài từ Thăng Long đến Thanh Hóa, họ là nạn nhân của những năm mất mùa đói kém và chiến tranh thảm khốc giữa nhà Lê và nhà Mạc. Trong tác phẩm Xứ Đàng Trong, tác giả Ly Tana - một nhà Việt Nam học đã cho biết: "Việc người Việt Nam di dân xuống phía Nam thường vẫn được giải thích là do áp lực dân số trên một vùng đất nông nghiệp có giới hạn. và những nguyên nhân trực tiếp đẩy một số đông

dân đi về phía Nam lại là đói kém và chiến tranh...." "... Hai thời kỳ thảm khốc diễn ra vào giữa thế kỷ 16 (và 18) là nguyên nhân chính của việc gia tăng số người tỵ nạn. Thời kỳ thứ nhất xảy ra vào nửa sau thế kỷ 16. Trong Toàn thư, các năm 1561, 1570, 1671, 1572, 1586, 1588, 1569, 1592, 1594, 1595, 1596, 1597 và 1608 đều nhấn mạnh đến số người tỵ nạn. Chẳng hạn vào năm 1572, chúng ta thấy ghi: "Nghệ An năm đó không thu được hạt thóc nào... lại bị bệnh dịch, chết đến quá nửa. Nhân dân nhiều người xiêu giạt hoặc tản đi miền Nam hoặc giạt về Đông Bắc.

Vào năm 1594: Bảy giờ các huyện ở Hải Dương nhân dân mất mùa to, đói kém đến ăn thịt lẫn nhau, chết đói đến một phần ba. Đây có lẽ là thời kỳ thảm họa dài nhất trong lịch sử Việt Nam với một cuộc nội chiến dữ dội kéo dài mấy thập niên. Với 14 năm mất mùa trong vòng 48 năm. Trong lịch sử Việt Nam trước đó không hề thấy nhắc đến một cách liên tục con số đông đảo dân tỵ nạn trong một thời gian ngắn như vậy. Trong thực tế, chữ phiêu tán rất ít dùng trong chính sử Việt Nam..." "... Ngược lại, vùng Thuận Hóa được xem là tương đối yên tĩnh. Nhà Mạc tuy có tìm cách tấn công Thuận Hóa vào năm 1571, nhưng họ đã bị Nguyễn Hoàng đánh bại. Cả Toàn Thư và Tiền Biên đều nói rằng vùng đất này "dân không trộm cắp, công ngoài không phải đóng, thuyền buôn nước ngoài đều đến buôn bán. Thuận Hóa dĩ nhiên trở thành nơi trú ẩn của dân tỵ nạn từ phía Bắc. Tiền Biên ghi nhận có hai làn sóng tỵ nạn đổ về Thuận Hóa vào các năm 1559 và 1608. Toàn Thư cũng thường nói đến việc người dân trốn khỏi quê vào thời kỳ này để "hoặc đi vào Nam hoặc đi về phía Đông Bắc". cả hai vùng này đều là những vùng thưa dân. Một làn sóng di dân vĩ đại của người Việt Nam đã diễn ra vào cuối thế kỷ 16. Về phương diện lịch sử, nó có thể sánh với cuộc di dân của người Trung Hoa, tuy với tỷ lệ nhỏ hơn, từ phía Bắc tới đồng bằng sông Dương Tử dưới thời Đông Tấn (thế kỷ thứ 4 sau CN). Trước thời kỳ này, số người Việt Nam di dân xuống phía nam không nhiều, có vẻ lác đác. Nhưng bây giờ động cơ thúc đẩy họ di dân trở nên mạnh hơn và mục đích của họ cũng rõ ràng hơn. Nếu Thuận Hóa trước đây xem ra còn là một vùng đất đầy bất trắc, bấp bênh về một số lĩnh vực thì việc Nguyễn Hoàng thiết lập chính quyền ở đây được

coi như là việc tái khẳng định quyền của người Việt Nam được định cư ở vùng đất này và vì thế là một khuyến khích lớn đối với việc di dân..." (Trong Xứ Đàng Trong, Li Tana, tr 37, 38). Với sự mở đầu ra đi của chúa Nguyễn Hoàng, và kế tục là các đời chúa con cháu của ngài, đất nước đã tiếp thụ một nguồn của cải mới, đó là cả một vùng đất phía Nam giàu có, là các cuộc giao thương cường thịnh với các trung tâm thương mại mới: Hội An; Nông Nại Đại Phố, Gia Định, Bến Nghé, Hà Tiên...; là các tri thức mới khi tiếp cận ở nhiều dân tộc phương Nam hay đến từ phương Nam. Nhờ vào luồng của cải mới được tìm thấy ấy, nước ta đã trở nên cường thịnh nhất sau mấy trăm năm suy sụp. Ở đây, một lần nữa, cần khẳng định lại vai trò của chúa Nguyễn Hoàng - người đã dẫn thân khởi nghiệp để từ đó, tìm ra những luồng của cải mới cho đất nước.

Tất cả cuộc đời của ngài đã hy sinh cho sự nghiệp xứ Đàng Trong, gia đình của ngài đã gặp nhiều cảnh phân ly; hai người con thứ 7 và thứ 8 can tội loạn quốc chánh, bị tước tông tịch, con cháu của họ phải đổi ra họ Nguyễn Thuận. Để lấy lòng tin của chúa Trịnh, ngài đã phải để người con thứ 5 và các cháu nội ở lại trên đất Bắc, con cháu của họ lại phải đổi tên thành họ Nguyễn Hựu.

Năm 1613, biết mình không thể sống lâu hơn, ngài cho triệu công tử thứ 6 là Nguyễn Phúc Nguyên đang làm trấn thủ Quảng Nam ra. Ngài bảo các cận thần rằng: "Ta với các ông cùng nhau cam khổ đã lâu, muốn dựng nên nghiệp lớn. Nay ta để gánh nặng lại cho con ta, các ông nên cùng lòng giúp đỡ, cho thành công nghiệp". Cầm tay hoàng tử thứ sáu, ngài dặn bảo rằng: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung; anh em trước hết phải thân yêu nhau. Con phải giữ được lời dặn đó thì ta không ân hận gì". Lại nói: "Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Ngang (Hoành Sơn) và sông Gianh (Linh Giang) hiểm trở, phía nam ở núi Hải Vân và núi Đá Bia (Thạch Bi Sơn) vững bền. Núi sản vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh chống chọi với Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội,

chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta" (Đại Nam thực lục, T1, NXB Thuận Hóa, 2007, trang 37).

Một Quận công, lãnh Tổng trấn khi phát hiện ra cơ hội đã nuôi chí tổ chức để mở rộng lãnh thổ đến thế là cùng...

Cảm niệm: Chúa Tiên

Nguyễn Hoàng vẫn kẻ để dung thân!

Bị rịn Thăng Long, lại ngại ngàn

Đất Bắc nhin nhường, luôn thủ thế

Trời Nam củng cố, để tranh phân

Ngựa thuyền sắm sửa, lo lường lính

Rừng rú khai hoang, khuyến khích dân

Chúa Nguyễn lấy lòng, riêng một cõi

Ngự phòng ngăn Trịnh, hết phân vân!

Theo Lê Quý Đôn bình luận trong sách Phủ biên tạp lục:

Đoan quận công có uy lược, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn mười năm, chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, răn giữ bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quân dân hai xứ thân yêu tin phục, cảm nhân mến đức, đời đời phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp.

Theo Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược:

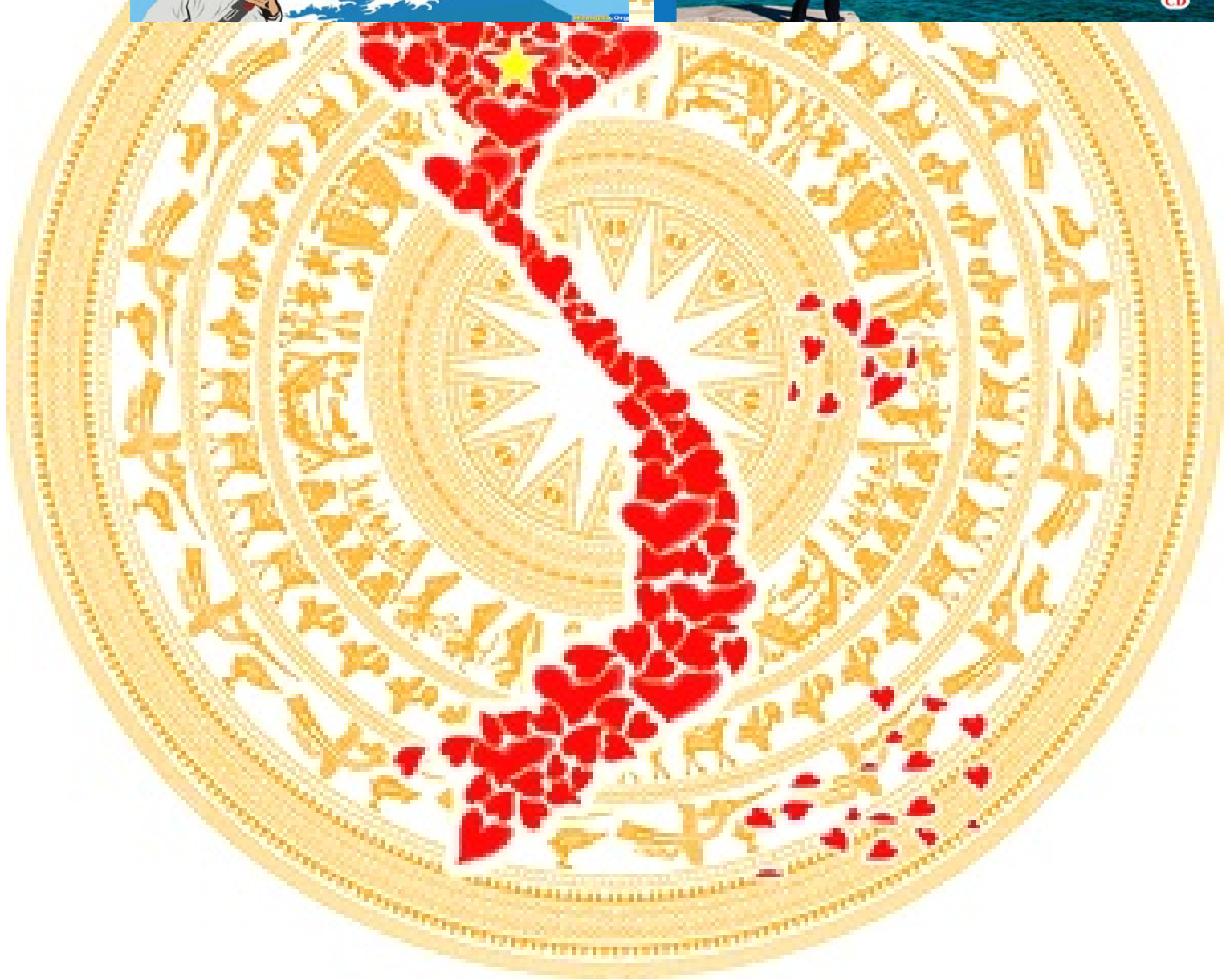
Nguyễn Hoàng là một người khôn ngoan mà lại có lòng nhân đức, thu dùng hào kiệt, yên ủi nhân dân, cho nên lòng người ai cũng mến phục.

Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn đã làm cho Đàng Trong hưng thịnh và chính sự hưng thịnh này đã góp phần quyết định tạo nên trọn vẹn dáng hình chữ S của Tổ quốc Việt Nam như ngày nay. Cái góc, điểm tựa và bệ phóng cho sự phát triển và hưng thịnh đó, chính là mảnh đất Quảng Trị với vai trò quan trọng như [A.Laborde](#), Công sứ Pháp tại An nam trước đây đã nêu qua bài viết "Tỉnh Quảng Trị", rằng: nếu dòng họ nhà Nguyễn không xuất phát tại Quảng Trị, thì ít nhất sự nghiệp lịch sử của họ phải xem là có gốc từ mảnh đất

này, Con người của triều đại này sinh ra từ đất Thanh Hoá, nhưng sự nghiệp của triều đại Nguyễn thì sinh ra từ đất Quảng Trị.

Ngày nay, với tư tưởng đổi mới, chúng ta có thể đánh giá rằng Thái tổ Gia Dũ Hoàng Đế - Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1525 - 1613) là một danh minh quân, một danh nhân lịch sử của dân tộc Việt Nam vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII đã có những đóng góp đáng trân trọng cho lịch sử của đất nước. Vì vậy hiện nay, ở nhiều tỉnh và thành phố trên cả nước ta đã có những con đường mang tên Nguyễn Hoàng như một sự tưởng niệm, một sự tôn vinh. Và ở địa phương tôi đang sống cũng vinh dự có con đường được mang tên như thế.

Qua mỗi câu chuyện về các danh nhân, các anh hùng của dân tộc luôn nhắc tôi cũng như các bạn trẻ hôm nay rằng: Bất cứ thời đại nào, mỗi con người chúng ta nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước. Trước tiên thế hệ trẻ phải xác định tư tưởng, tình cảm, lí tưởng sống của mình: yêu quê hương đất nước, tự hào tự tôn dân tộc, có ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc; lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ công hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ Quốc cần. Thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu là xu thế hội nhập, khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ cao, vậy thế hệ trẻ cần phải học tập tích lũy tri thức để góp phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng công hiến và bảo vệ đất nước. Đồng thời thanh niên cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tinh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. Về vấn đề chủ quyền biển đảo, thanh niên cần hưởng ứng và tích cực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm xâm phạm chủ quyền biển, hải đảo thiêng liêng của Tổ Quốc, phải luôn có “trái tim nóng, cái đầu lạnh”. Như vậy, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm thiêng liêng của thanh niên nói riêng và của mỗi con người Việt Nam nói chung.



Câu 2: Hãy tường thuật sự kiện hoặc kể lại câu chuyện có thật mà bạn tâm đắc nhất trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai, mảnh đất đã chứng kiến bao thăng trầm lịch sử, kể từ khi Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong (1698), lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm 2 huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn làm mốc, thì kể từ đây Sài Gòn - Gia Định đã trở thành trung tâm hành chính - chính trị và đang từng bước hình thành một trung tâm kinh tế và văn hóa của vùng đất mới. Hòa cùng dòng chảy của lịch sử dân tộc, mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai đang từng ngày thay da đổi thịt, vươn lên trở thành một trong những mắt xích quan trọng của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Để có được thành tích đó đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, đoàn kết, vượt qua những khó khăn tưởng chừng như là không thể. Hôm nay, được sống trong cảnh thanh bình chúng ta không thể quên được những năm tháng chiến tranh với biết bao bom đạn đã cày xới trên mảnh đất này. Khi kể cho các bạn nghe đến đây, tràn đến trong tôi là những bài học lịch sử của các thầy cô về mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai trong những năm tháng chiến tranh - và hình ảnh ngoan cường, anh dũng của mảnh đất, con người Đồng Nai trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử cũng là một phần trong bức tranh rực rỡ, oai hùng đó. Và tôi xin kể....

Sau sự thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23 tháng 4 tổng thống Mỹ tuyên bố: “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ...” Nguyễn Văn Thiệu vội vã công bố từ chức tổng thống chuyển sang Mỹ. Trần Văn Hương lên thay, sau đó, ngày 28 - 4 - 1975, Dương Văn Minh thay Hương làm tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

Địch và vóu 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung: Biên Hòa - Long Bình - Tây Ninh - Long An.

Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc, nhưng cũng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc chạy về kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ

đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa – Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ các cầu: Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An... và tuyến ngoại vi Sài Gòn.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên là: CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Lực lượng quân chủ lực ta tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh tương đương 5 quân đoàn và tiến vào Sài Gòn từ 4 hướng:

- Hướng bắc từ Bình Dương (theo quốc lộ 13) do quân đoàn 1 đảm nhiệm.
- Hướng đông – đông bắc từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 và 15 do quân đoàn 4 và quân đoàn 2 đảm nhiệm.
- Hướng tây bắc từ Tây Ninh do quân đoàn 3 đảm nhiệm.
- Hướng tây nam – Long An do đoàn 232 đảm nhiệm.

Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9 – 4, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 Ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16 tháng 4, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa”.

Chiến dịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Biên Hòa hình thành hai mũi tiến công của 2 quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn – Gia Định theo quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hòa. Quân đoàn 2 sau khi đập tan tuyến phòng thủ ở Phan Rang vào đến Xuân Lộc, tiến công vào Sài Gòn – Gia Định theo hai mũi là quốc lộ 15 và bến phà Cát Lái. Sư đoàn 2 đặc công (mới được thành lập) có nhiệm vụ đánh chiếm các cầu Đồng Nai trên xa lộ, cầu Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Rạch Cát và quốc lộ 1 đảm bảo cho đại quân ta tiến về Sài Gòn được thuận lợi.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm (chiến khu Đ) nã đạn dồn dập vào các căn cứ sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng

loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1 đến Hồ Nai. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27 – 4 – 1975.

Ngay từ 17 giờ ngày 26 tháng 4 đạn pháo 130 ly của ta trum lên căn cứ Nước Trong (Long Thành). Pháo vừa ngưng, bộ binh xe tăng ta từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt. Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện.

Đêm 26 rạng 27 – 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Đêm 27 rạng 28 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An (cầu Mới), cầu Gành, cầu Rạch Cát...



Xe tăng của Quân Giải phóng tiến vào giải phóng chi khu Long Thành (Ảnh tư liệu)

Ngày 27 tháng 4 sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ chi khu Trảng Bom, Bàu Cá; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành.

Ngày 27 tháng 4 sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt.

Ngày 28 tháng 4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Địa, Trà Cỏ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai. Tám giờ 30 phút trung tướng Nguyễn Văn Toàn tư lệnh quân đoàn

3 đến Long Bình giao nhiệm vụ “tử thủ” cho tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 rồi lên máy bay chuẩn thẳng. Các tướng tá trong Bộ tư lệnh quân đoàn 3 cũng cuốn gói chuẩn về Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 3 chỉ còn viên thiếu tá quản trị hành chánh quân đoàn tiếp tục “tử thủ”.



Đánh chiến sân bay Biên Hòa (Ảnh tư liệu)

Hai giờ sáng ngày 26 tháng 4 tiểu đoàn 9 trung đoàn đặc công 113 tập kích căn cứ thiết đoàn 15 tại Hóc Bà Thúc bắt sống tên chỉ huy. Sư đoàn 6 phát triển ra ga Long Lạc. Sư đoàn 6 cùng sư đoàn 7 tiến quân về Hồ Nai trước sự chống cự điên cuồng của địch.

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Lập tức cơ sở mật trong 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Trên 200 công nhân và nông dân khu vực Bình Đa, Tam Hiệp cùng nổi dậy hỗ trợ cơ sở mật ở khu kỹ nghệ. Cờ giải phóng được kéo lên trung tâm SONADEZI và các nhà máy. Cơ sở nội tuyến của Thành ủy Biên Hòa lái 2 chiếc xe thiết giáp M113 của địch đầy ắp súng đạn, dẫn đầu đoàn người tiếp tục truy kích tàn quân địch trong khu kỹ nghệ, bắt sống tên Lãnh cảnh sát trưởng khu kỹ nghệ, thu toàn bộ hồ sơ. Đến chiều 29 tháng 4, hầu hết các nhà máy Khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng.

Sau hơn một ngày liên tục tiến công, đến 11 giờ ngày 29 tháng 4 sư đoàn 304 làm chủ căn cứ ngã ba Thái Lan, quét sạch địch từ căn cứ Nước Trong đến tổng kho Long Bình, phát triển về xa lộ Biên Hòa. Sư đoàn 325 đã

làm chủ chi khu Nhơn Trạch và tiếp tục tiến công Thành Tuy Hạ, chiếm được đồi Bình Phú, đặt trận địa pháo 130 ly. Đêm 29 tháng 4 tại đồi Bình Phú pháo binh ta nã đạn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều 29 tháng 4 toàn bộ địch ở Long Thành – Nhơn Trạch bị quét sạch, sư đoàn 325 tập kết ở bến phà Cát Lái, nơi đây Huyện ủy Nhơn Trạch đã chuẩn bị trên 100 ghe thuyền sẵn sàng đưa lực lượng quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn.

Sáng 30 tháng 4 từ Long Thành, Nhơn Trạch - lữ đoàn tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn đặc công 116 sau 3 ngày đêm đánh chiếm giữ cầu đã lên xe tăng dẫn đường cho lữ đoàn 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập. Sư đoàn 325 (quân đoàn 2) dùng xuồng, ghe máy, ghe chèo tay... ào ạt vượt sông - tại bến phà Cát Lái cùng tiến vào Sài Gòn.

15 giờ ngày 29 – 4 – 1975, tù nhân trong nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ 1 về hướng Trảng Bom. Đến tối ngày 29 – 4 đoàn đến Bộ chỉ huy tiền phương Mặt trận Biên Hòa, được đưa về chỉ huy sở sư đoàn 6 tại nhà thờ Bắc Hòa (Hố Nai). Pháo địch vẫn còn bắn xối xả dọc quốc lộ 1. Bộ phận tiếp nhận đưa tù nhân về hướng Gia Kiêm. Lực lượng ta tiếp tục tiến công. 6 giờ sáng ngày 30 – 4 – 1975, Bộ Tư lệnh sư đoàn 6 đến ngã ba Kê Sặt, cùng lúc đài phát thanh Sài Gòn thông tin tổng thống ngụy Dương Văn Minh đầu hàng. Quân đoàn 4 nhanh chóng triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình.

6 giờ sáng 30 – 4 – 1975, đảng viên mật Trương Thị Sáu (chi bộ Đảng chợ Biên Hòa) được anh Muộn, cơ sở nội tuyến báo về đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa.

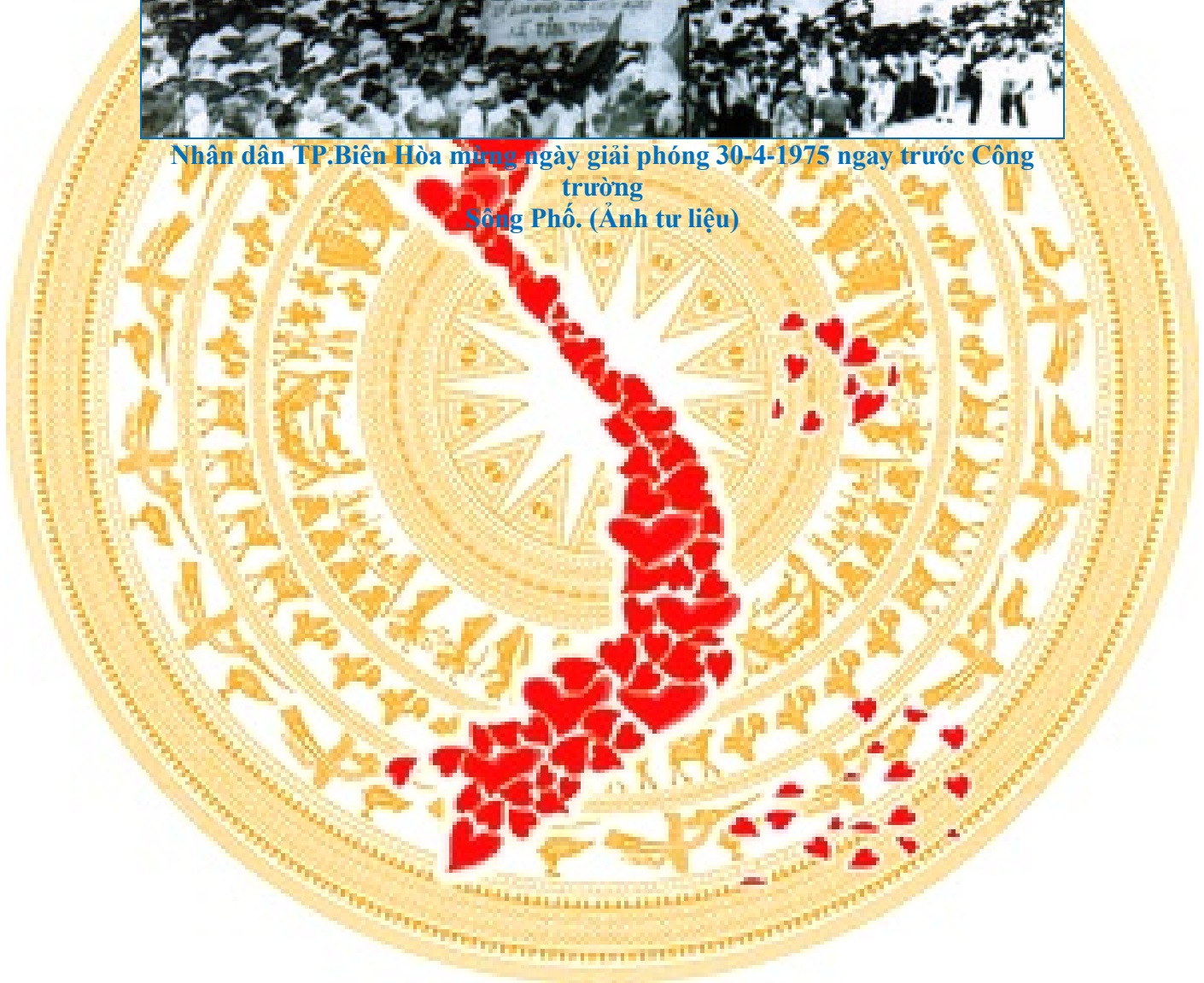
10 giờ 30 phút sáng 30 – 4 – 1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa hành chính Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa.

Lịch sử đã lập lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (26 – 8 – 1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa cắm cờ ở Tòa hành chính, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước

bước vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.



Nhân dân TP.Biên Hòa mừng ngày giải phóng 30-4-1975 ngay trước Công trường Sông Phố. (Ảnh tư liệu)



LỜI KẾT

Chúng tôi, những thế hệ “8x”, “9x” ngày hôm nay được sinh ra khi khi chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã hoàn toàn thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Tuy không được tận mắt chứng kiến cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta, chúng tôi chỉ biết đến sự khốc liệt của chiến tranh qua những bài học lịch sử, những câu chuyện của ông bà cha, cha mẹ; biết đến đến những năm tháng khó khăn thời bao cấp qua ký ức của những người đi trước. Nhưng qua những trang sử mà chúng tôi được học, qua những thước phim tài liệu, những ca khúc cách mạng, những tác phẩm văn học, nghệ thuật, những câu chuyện kể của cha anh, âm vang hào hùng về một thời chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất đỗi vinh quang, luôn vang vọng trong mỗi chúng tôi. Tự đáy lòng mình, tôi và những bạn bè cùng trang lứa luôn chan chứa một niềm tự hào lớn lao, mãnh liệt về lịch sử hào hùng của dân tộc ta, về sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ muôn vàn kính yêu. Tôi càng tự hào hơn khi đất nước Việt Nam nói chung và quê hương Đồng Nai của tôi đang từng ngày đổi mới và phát triển.

Quê Hương

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay
Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đêm khua nước ven sông

...

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một Mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.